

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng hồ Liên Mạc 1 phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND phường Thượng Cát)

**I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:**

1. Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật): **Hộ gia đình ông Lê Văn Dông**  
- Mã số định danh cá nhân: 001065012031  
- Nơi thường trú: TDP Tân Phong, Phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.  
- Nơi ở hiện nay: TDP Tân Phong, Phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.  
- Số điện thoại: 0986729396
2. Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật): **Hộ gia đình ông Lê Văn Dông**  
- Mã số định danh cá nhân: 001065012031  
- Nơi thường trú: TDP Tân Phong, Phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.  
- Nơi ở hiện nay: TDP Tân Phong, Phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.  
- Số điện thoại: 0986729396
3. Địa chỉ nơi thu hồi đất: Phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.
4. Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất: 5 khẩu (Trong đó: 3 khẩu đủ điều kiện và 2 khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ)
5. Tổng diện tích đất đang sử dụng: 1.647,0 m<sup>2</sup>;  
Trong đó:  
- Diện tích đất trong chi giới thu hồi tại dự án: 496,0 m<sup>2</sup>;  
Trong đó:  
+ Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất: 496,0 m<sup>2</sup>;  
+ Đất nông nghiệp được giao đất chi tiết theo Nghị định số 64/CP, chưa được cấp GCNQSD đất: 0,0 m<sup>2</sup>;  
+ Đất nông nghiệp nằm ngoài Phương án giao đất chi tiết theo Nghị định số 64/CP, hộ gia đình sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004: 0,0 m<sup>2</sup>;  
+ Đất mương đường do UBND Phường quản lý: 0,0 m<sup>2</sup>;  
- Diện tích đất ngoài chi giới thu hồi tại dự án: 1.151,0 m<sup>2</sup>;
6. Tỷ lệ % diện tích đất NN đủ điều kiện bồi thường đang sử dụng bị thu hồi đến thời điểm hiện tại: 30,12%

**II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:**

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:**

Stt	Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất:	m <sup>2</sup>	496,0	290.000	100%	143.840.000	
2	Đất nông nghiệp được giao đất chi tiết theo Nghị định số 64/CP, chưa được cấp GCNQSD đất:	m <sup>2</sup>	0,0	290.000	100%	0	
3	Đất nông nghiệp nằm ngoài Phương án giao đất chi tiết theo Nghị định số 64/CP, hộ gia đình sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004:	m <sup>2</sup>	0,0	290.000	100%	0	
4	Đất mương đường do UBND Phường quản lý:	m <sup>2</sup>	0,0	0	0%	0	
<b>Tổng cộng: (A)</b>						<b>143.840.000</b>	



- V. Tổng số tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)  
(- Nếu  $(V) > 0$  thì được nhận số tiền sau cân đối;  
- Nếu  $(V) < 0$  thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

879.146.400 đồng

Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi chín triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quang Tiến**